

CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG AUSTRALIA

TỪ **CPTPP**

CHO CÁC NHÀ XUẤT KHẨU, ĐẦU TƯ
VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Phùng Thị Lan Phương
Trưởng phòng FTA
Trung tâm WTO và Hội nhập, VCCI
Trưởng nhóm nghiên cứu



Hiện trạng xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ, đầu tư và lao động của Việt Nam sang Australia

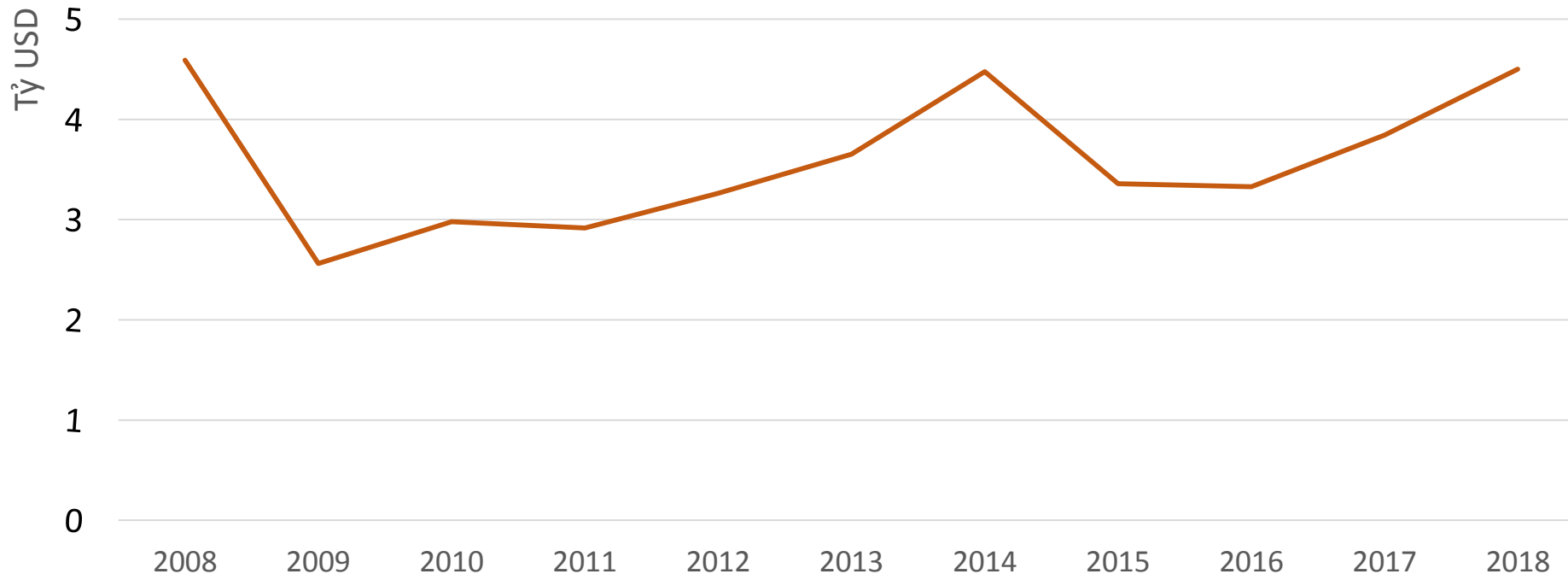


Xuất khẩu hàng hóa



SAU 10 NĂM, XUẤT KHẨU HÀNG HÓA VIỆT NAM SANG AUSTRALIA CHƯA CÓ ĐỘT PHÁ

Xuất khẩu Việt Nam sang Australia giai đoạn 2008-2018

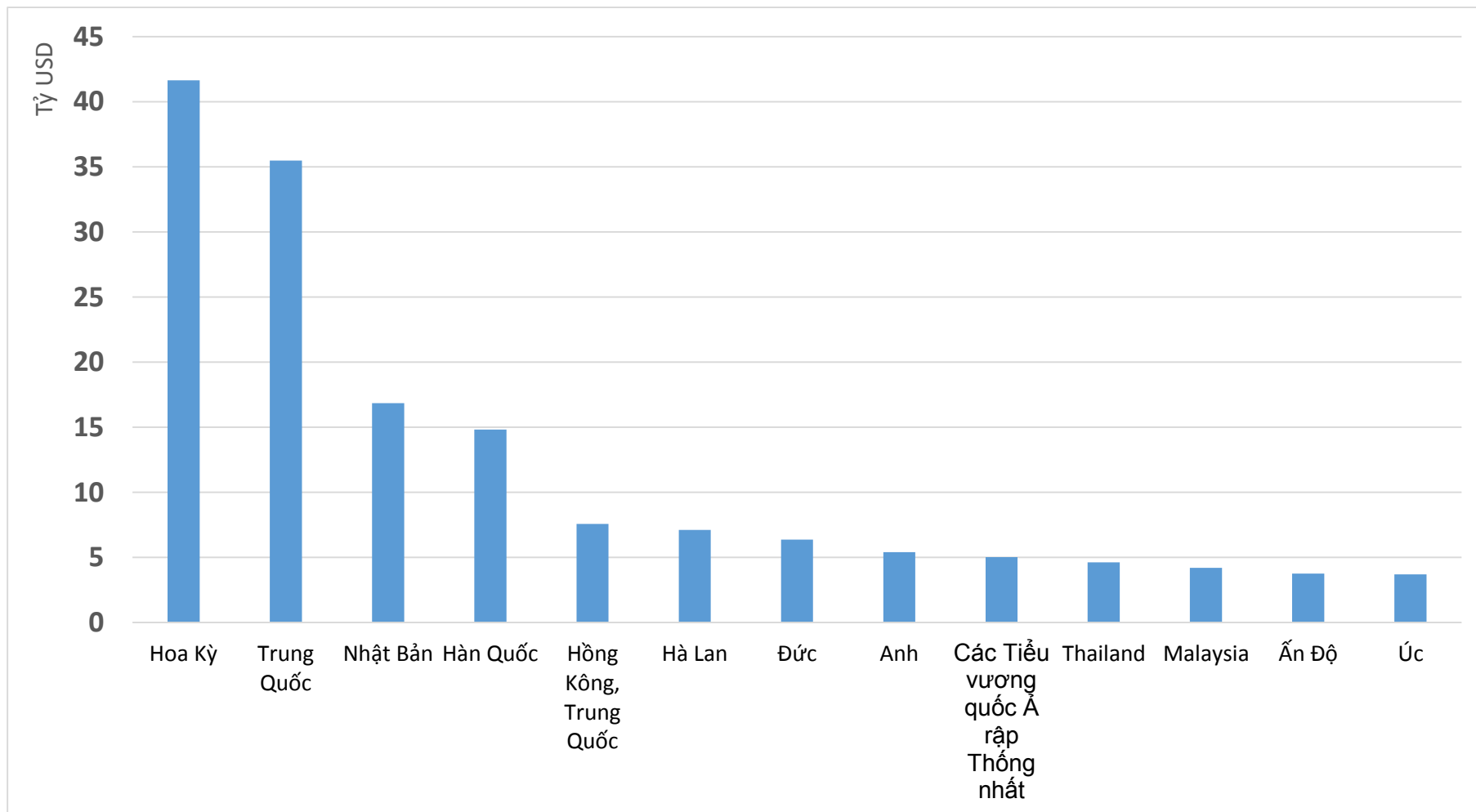


Nguồn: ITC Trademap truy cập tháng 2/2019

AUSTRALIA CHỈ LÀ ĐỐI TÁC XUẤT KHẨU LỚN THỨ 13 CỦA VIỆT NAM



Các thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam năm 2017

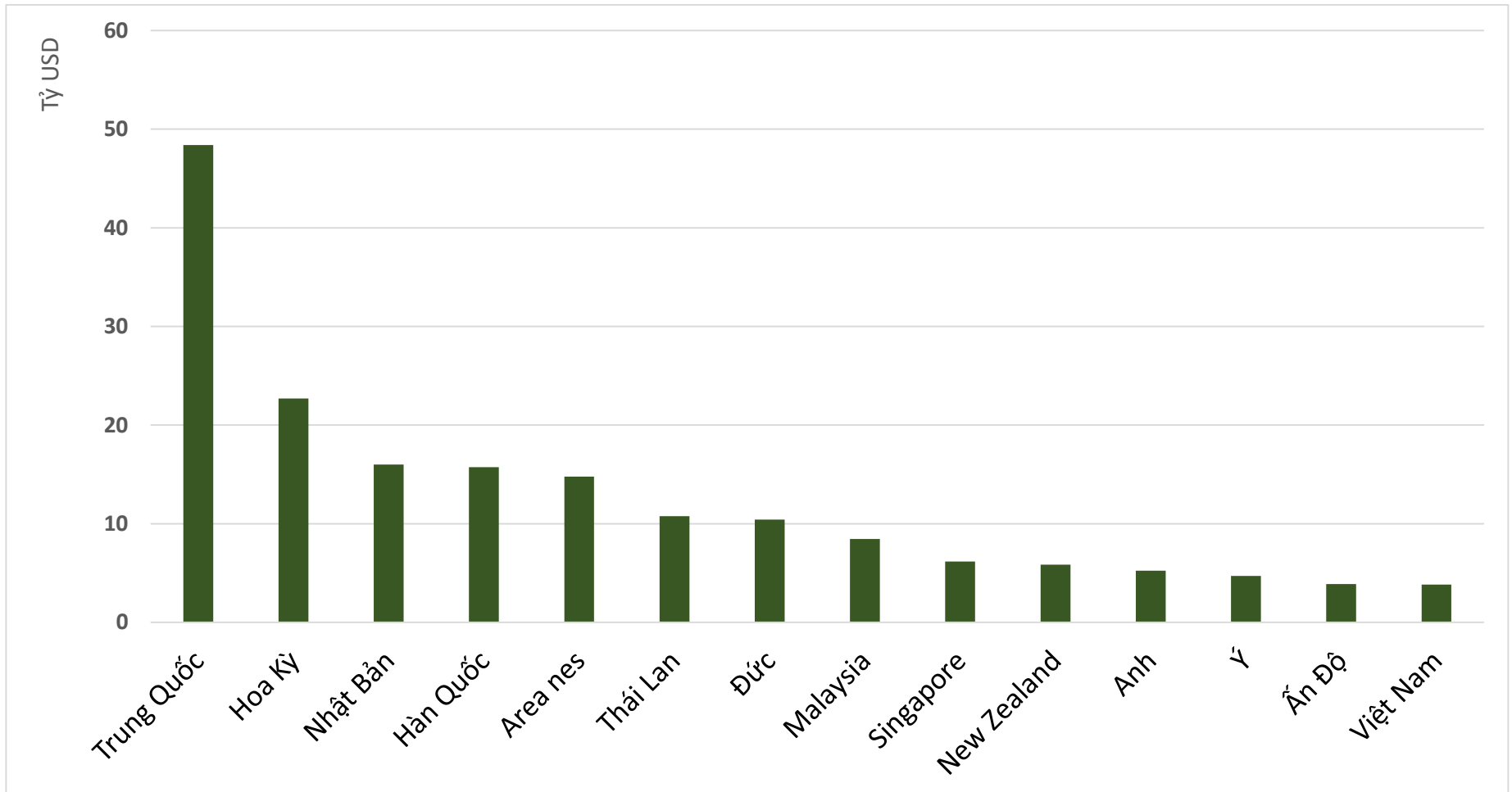


Nguồn: ITC Trademap truy cập tháng 2/2019

VIỆT NAM CHỈ LÀ ĐỐI TÁC NHẬP KHẨU LỚN THỨ 14 CỦA AUSTRALIA

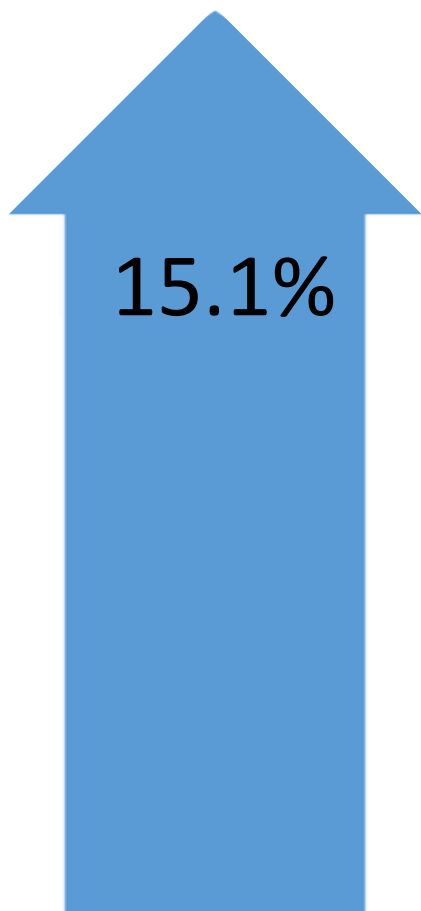


Các thị trường nhập khẩu lớn nhất của Australia năm 2017

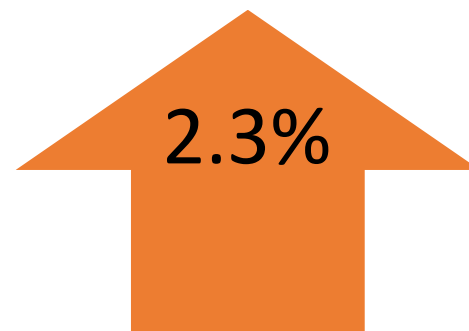


Nguồn: ITC Trademap truy cập tháng 2/2019

TĂNG TRƯỞNG XK CỦA VIỆT NAM SANG AUSTRALIA THẤP HƠN TĂNG TRƯỞNG XK TRUNG BÌNH CỦA VIỆT NAM DÙ AUSTRALIA LÀ ĐỐI TÁC FTA CỦA VIỆT NAM



Tăng trưởng XK trung bình của VN ra TG
(2008-2018)



Tăng trưởng XK trung bình của VN sang Australia
(2008-2018)

CƠ CẤU NK CỦA AUSTRALIA VÀ CƠ CẤU XK CỦA VIỆT NAM KHÔNG THẬT SỰ BỔ SUNG....

STT	Top 10 sản phẩm nhập khẩu của Australia năm 2017		Top 10 sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam năm 2017	
	HS Chương	Mô tả sản phẩm	HS Chương	Mô tả sản phẩm
1	87	Xe cộ trừ thiết bị chạy trên đường xe lửa hoặc xe điện, và các bộ phận và phụ tùng của chúng	85	Máy điện và thiết bị điện,...máy ghi và tái tạo âm thanh, hình ảnh ...
2	84	Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và trang thiết bị cơ khí...	64	Giày, dép, ghệt và các sản phẩm tương tự; các bộ phận của các sản phẩm trên
3	27	Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng...	62	Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc
4	85	Máy điện ... máy ghi và tái tạo âm thanh, hình ảnh ...	61	Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc
5	99	Sản phẩm không xác định được ở đâu	84	Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và trang thiết bị cơ khí...
6	30	Dược phẩm	90	Dụng cụ, thiết bị và máy quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh....
7	90	Dụng cụ, thiết bị và máy quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh....	94	Đồ nội thất...
8	89	Tàu thủy, thuyền và các kết cấu nổi	03	Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác
9	71	Ngọc trai tự nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý hoặc đá bán quý, kim loại quý....	08	Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa
10	39	Plastic và các sản phẩm bằng plastic	09	Cà phê, chè, chè Paragoay và các loại gia vị

...NHƯNG CÁC SPXK CHỦ LỰC CỦA VIỆT NAM SANG AUSTRALIA VẪN CÒN NHIỀU DƯ ĐỊA

STT	HS Nhóm	Mô tả sản phẩm	Australia nhập khẩu từ thế giới	Australia nhập khẩu từ Việt Nam	Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam
1	8517	Bộ điện thoại, thiết bị khác để truyền hoặc nhận tiếng, hình ảnh hoặc dữ liệu khác...	8,530,184	1,154,524	13.53%
2	2709	Dầu mỏ thô	10,212,892	531,010	5.20%
3	8528	Màn hình và máy chiếu	1,821,635	241,598	13.26%
4	6404	Giày, dép có mũ giày bằng vật liệu dệt.	489,464	164,391	33.59%
5	9403	Đồ nội thất khác và các bộ phận của chúng	1,807,643	157,560	8.72%
6	6403	Giày, dép có mũ giày bằng da thuộc.	831,102	126,911	15.27%
7	0801	Dừa, quả hạch Brazil và hạt điều	160,565	118,562	73.84%
8	8471	Máy xử lý/truyền dữ liệu tự động....	7,227,077	105,910	1.47%
9	9401	Ghế ngồi và bộ phận của chúng	1,368,165	97,878	7.15%
10	8443	Máy in, máy copy, máy fax...	1,009,635	82,259	8.15%

Vì sao xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Australia còn hạn chế?

- NHỮNG SẢN PHẨM XK TRUYỀN THỐNG CỦA VIỆT NAM LẠI KHÔNG PHẢI SẢN PHẨM AUSTRALIA CÓ NHU CẦU NK CAO

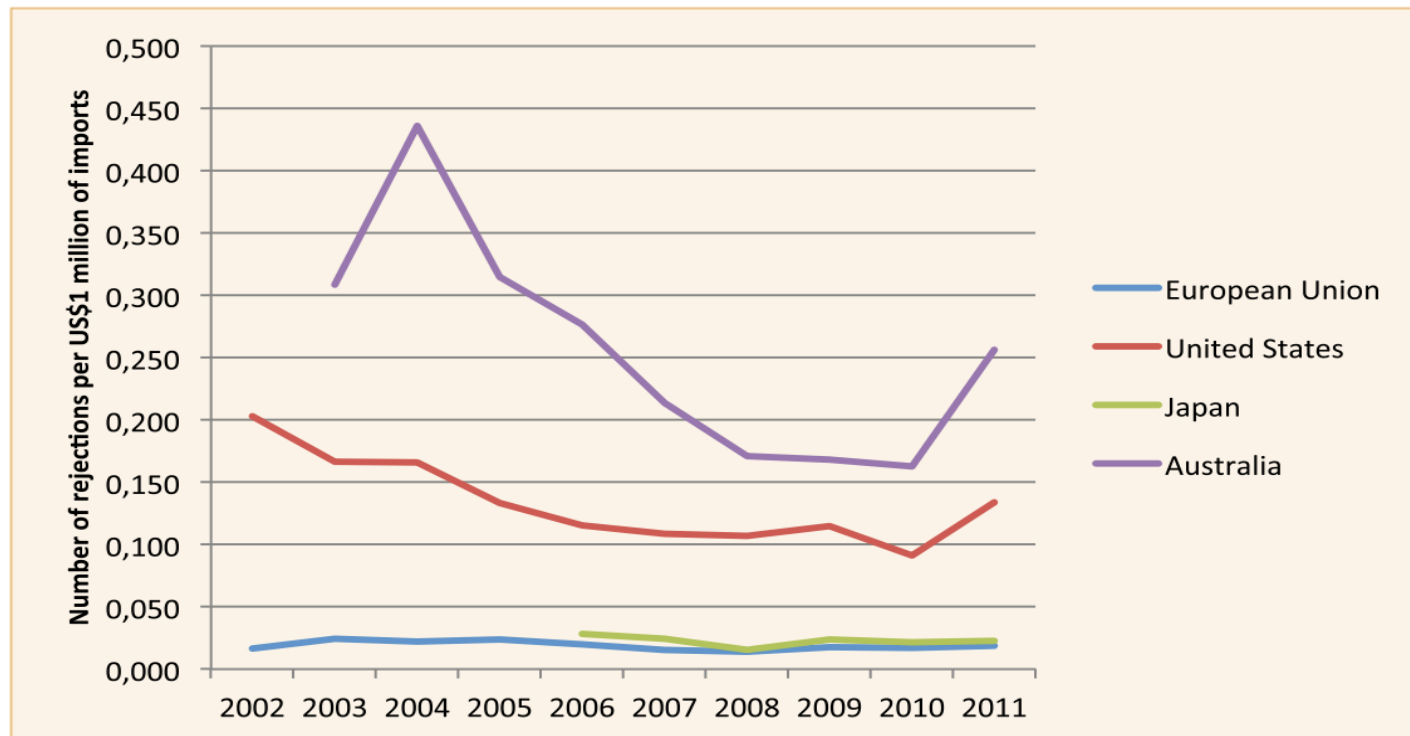
HS Chương	Mô tả sản phẩm	Xuất khẩu của Việt Nam ra thế giới (triệu USD)	Nhập khẩu của Australia từ thế giới (triệu USD)
85	Điện thoại, máy điện...	74,965	22,815
64	Giày dép	15,197	1,669
62	Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc	12,353	3,114
61	Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc	11,988	3,088
84	Trang thiết bị cơ khí...	11,112	28,840
90	Dụng cụ quang học...	7,444	7,827
94	Đồ nội thất...	6,595	4,392
03	Thủy hải sản	6,096	843
08	Hoa quả	6,094	843
09	Chè, cà phê...	4,123	695

Vì sao xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Australia còn hạn chế?

➤ CHƯA ĐÁP ỨNG ĐƯỢC YÊU CẦU CỦA THỊ TRƯỜNG KHÓ TÍNH AUSTRALIA

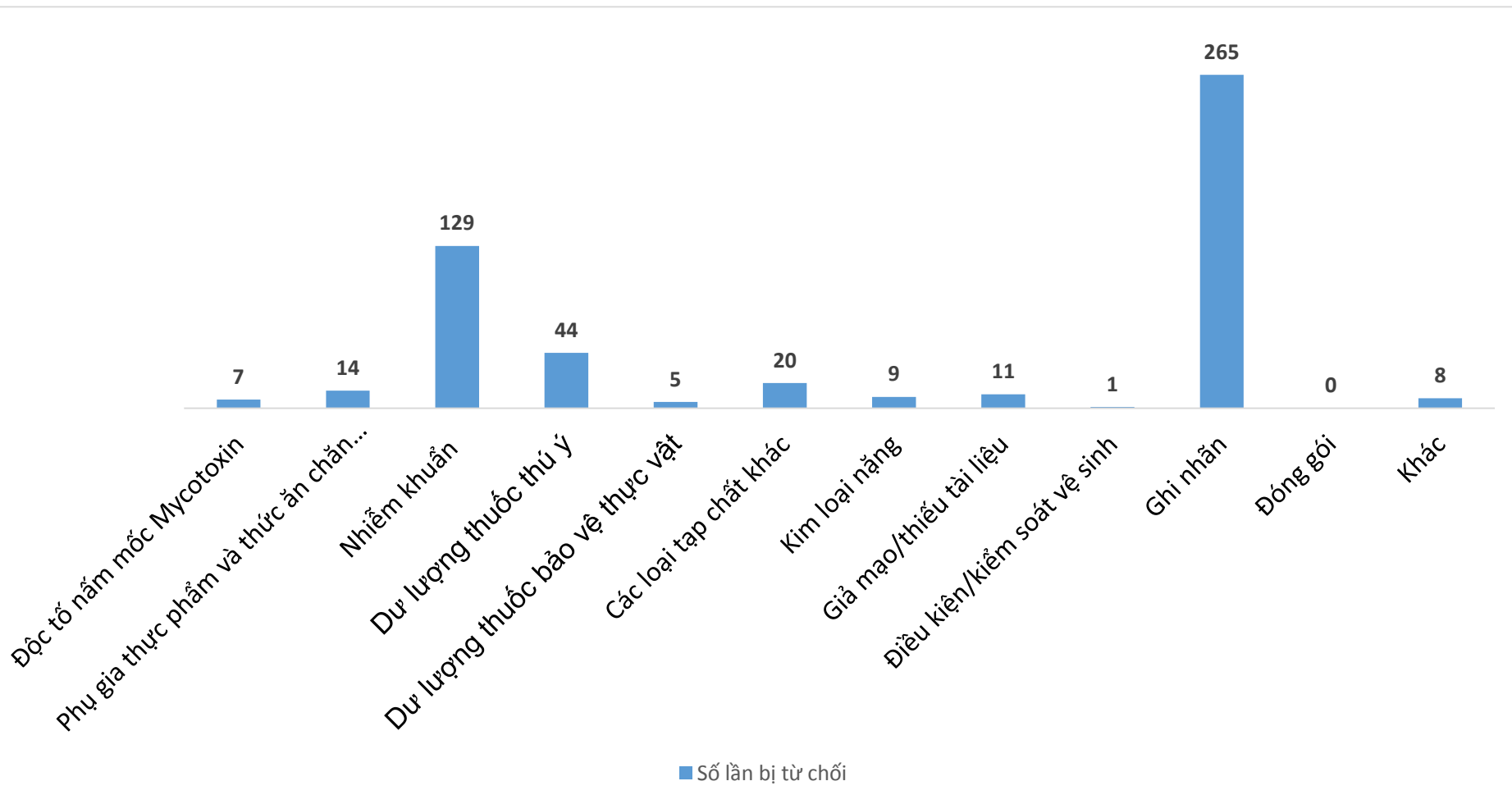
“Australia là một trong những thị trường có quy định về kiểm dịch và vệ sinh an toàn sản phẩm nghiêm ngặt nhất thế giới” (Báo cáo của Thương vụ VN tại Australia)

Số lần các sản phẩm nông nghiệp nhập khẩu vào EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Australia bị từ chối trên một đơn vị giá trị nhập khẩu, 2002-2010



Việt Nam nằm trong số 10 nước có số lượng hàng nông nghiệp nhập khẩu vào Australia bị từ chối/đơn vị giá trị nhập khẩu nhiều nhất giai đoạn 2003-2010

Các nguyên nhân khiến hàng nông nghiệp xuất khẩu của Việt Nam bị từ chối tại Australia, 2003-2010



Australia có tỷ lệ tần suất sử dụng các biện pháp phi thuế quan (NTM) năm 2015 là 61.8% cao hơn so với mức TB 43.04% của 75 nước điều tra (WITS, WB, 2015)

Các biện pháp NTM của Australia có tỷ lệ tần suất áp dụng cao nhất năm 2015

Biện pháp	Tỷ lệ tần suất NTM
Yêu cầu kiểm tra	46.03%
Yêu cầu ghi nhãn	38.28%
Yêu cầu thử nghiệm	19.19%
Yêu cầu đăng ký đối với nhà nhập khẩu vì lý do kỹ thuật	14.99%
Phí thay đổi	14.77%
Yêu cầu về chất lượng và hoạt động của sản phẩm	9.50%
Yêu cầu đăng ký sản phẩm	8.04%
Yêu cầu truy xuất thông tin	5.73%

Các sản phẩm nhập khẩu vào Australia có tỷ lệ tần suất bị áp dụng các biện pháp NTM cao nhất năm 2015

Lĩnh vực	Tỷ lệ tần suất NTM
Dệt may	99.09%
Động vật	95.72%
Thực phẩm	93.66%
Thực vật	93.37%
Phương tiện giao thông	89.06%
Máy móc và thiết bị điện tử	84.01%
Giày dép	68.09%
Nhiên liệu	50%
Hóa chất	42.26%
Da	25.56%

Nguồn: WITS, Ngân hàng Thế giới, truy cập tháng 2/2019

Những lợi ích từ AANZFTA có thể không bù đắp được các chi phí tăng thêm khi XK sang Australia



**Chi phí
xuất
khẩu
cao**

- Các quy định pháp lý (SPS, TBT, ...)
- Yêu cầu của nhà nhập khẩu
- Yêu cầu của người tiêu dùng
- Khác: khoảng cách địa lý

Tỷ lệ tận dụng ưu đãi
thuế quan AANZFTA

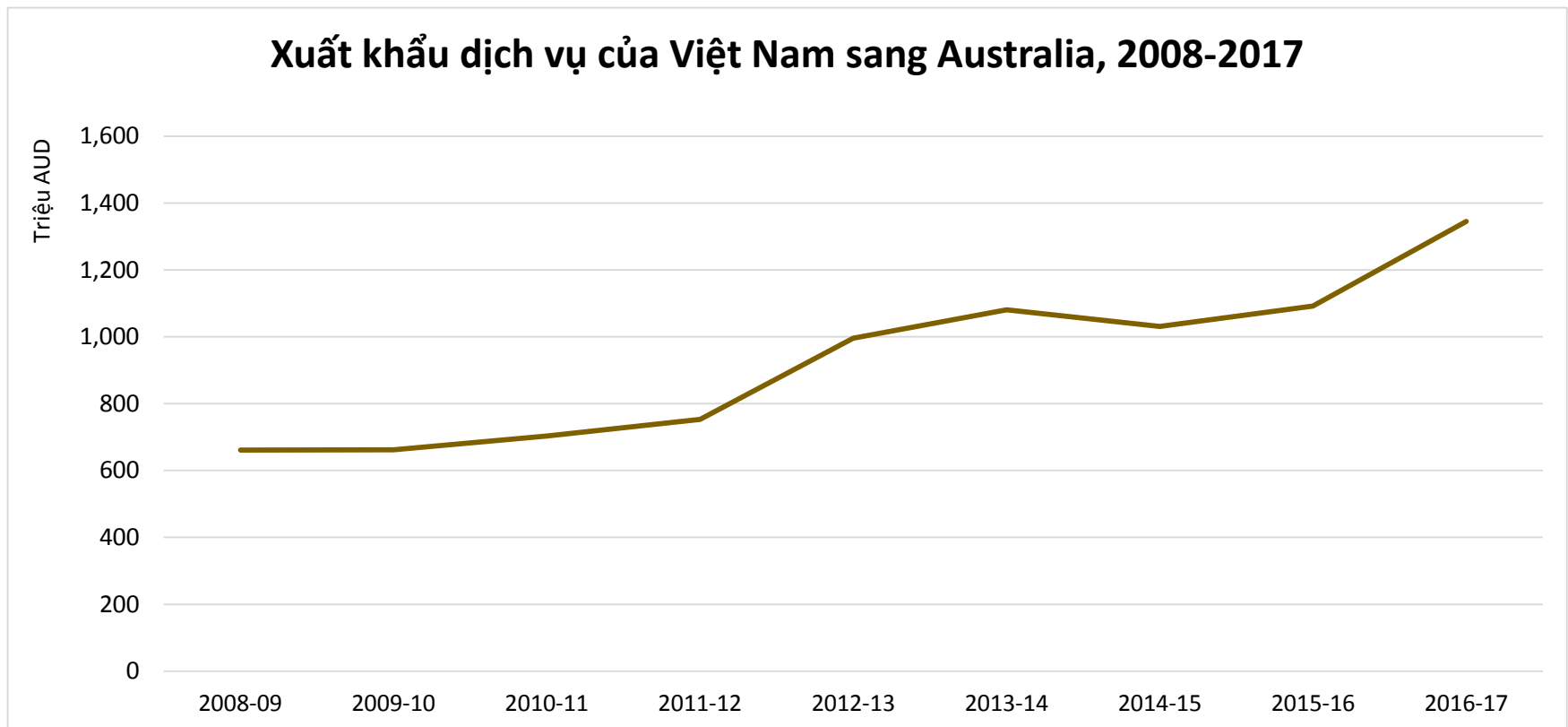
- 2010: 8.8%
- 2011: 15.9%
- 2015: 28.1%
- 2016: 34%
- 2017: 33%

**Lợi ích từ
ưu đãi
thuế quan
AANZFTA**

Xuất khẩu dịch vụ



- ❖ SAU 10 NĂM, XK DỊCH VỤ CỦA VIỆT NAM SANG AUSTRALIA TĂNG GẤP ĐÔI NHƯNG GIÁ TRỊ CÒN RẤT HẠN CHẾ

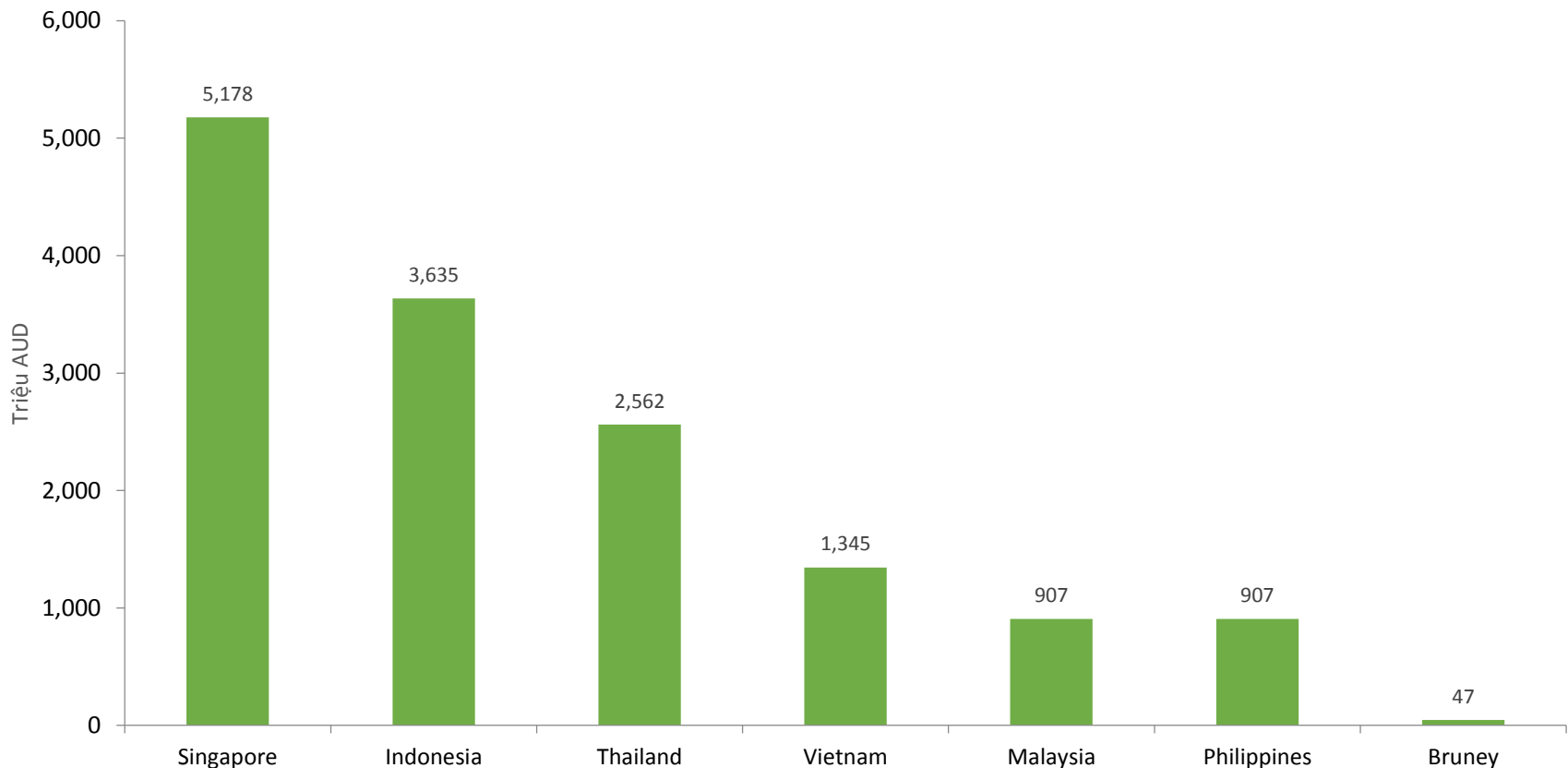


Nguồn: Bộ Ngoại giao và Thương mại Australia

❖ VIỆT NAM ĐỨNG THỨ 4 TRONG ASEAN VỀ XUẤT KHẨU DỊCH VỤ SANG AUSTRALIA



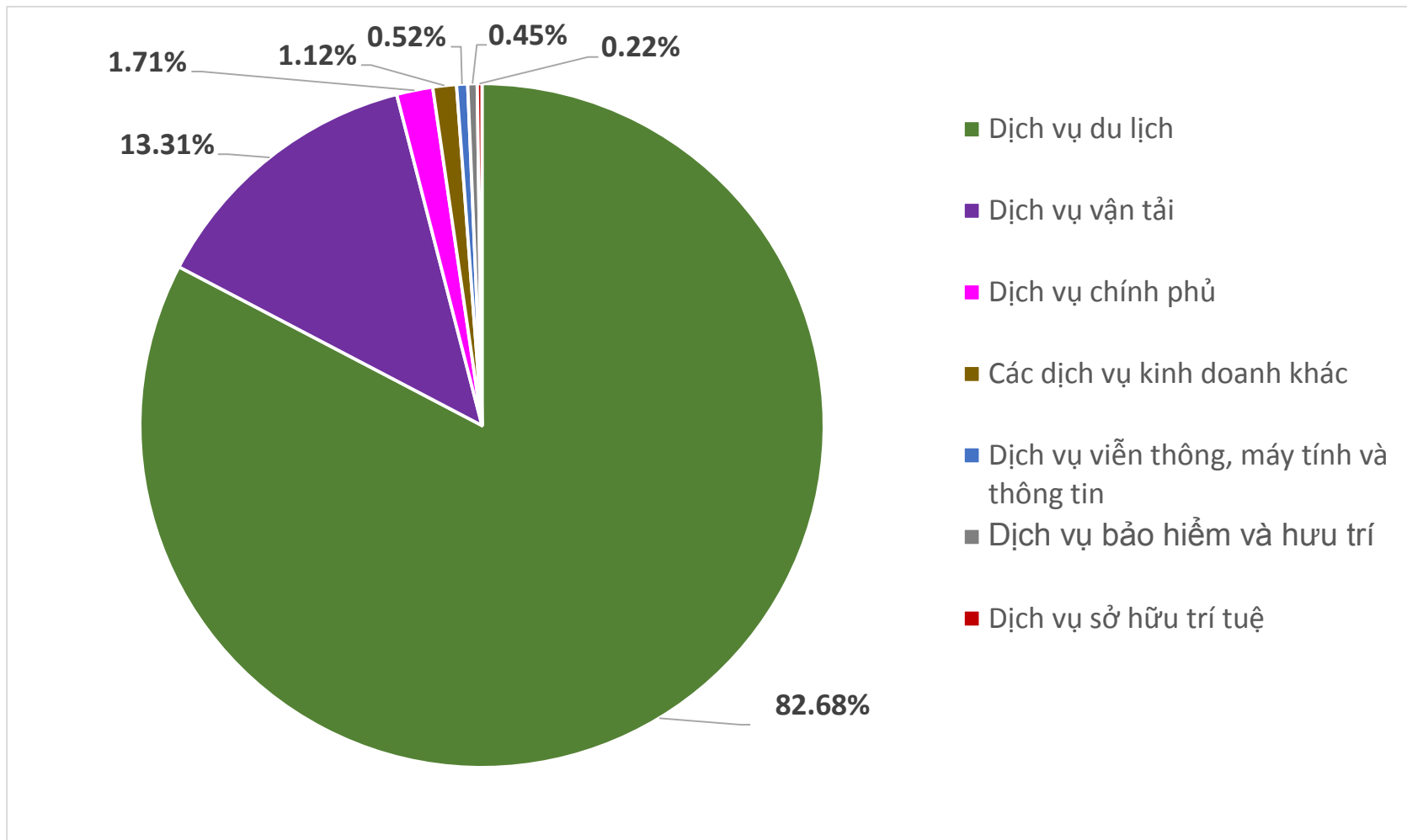
Top các nước ASEAN có giá trị xuất khẩu dịch vụ lớn nhất vào Australia giai đoạn 2016-2017



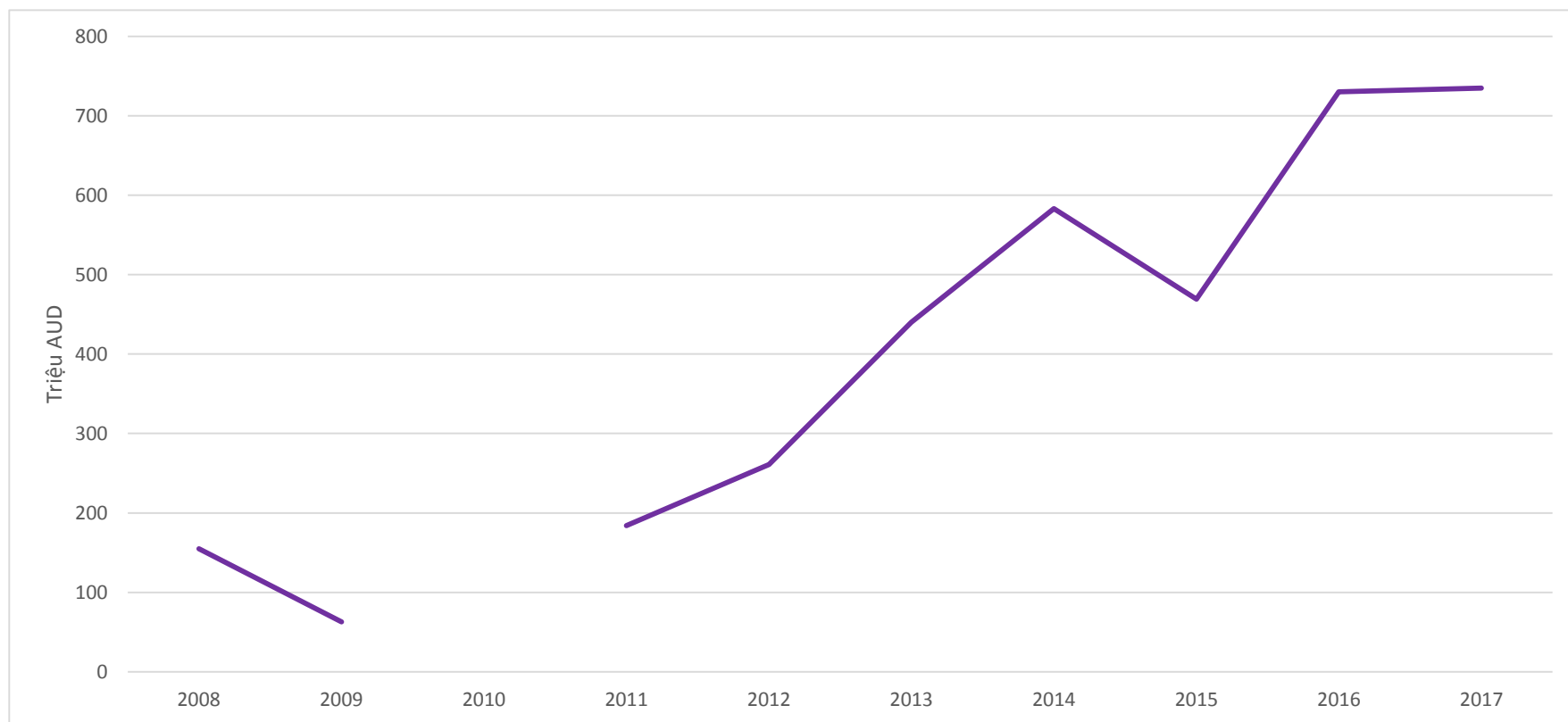
Nguồn: Bộ Ngoại giao và Thương mại Australia



XUẤT KHẨU DU LỊCH TẠI CHỖ LÀ CHỦ YẾU!



❖ SAU 10 NĂM, ĐẦU TƯ CỦA VIỆT NAM SANG AUSTRALIA TĂNG GẤP 5 LẦN NHƯNG GIÁ TRỊ RẤT NHỎ



❖ Australia là thị trường đầu tư tiềm năng của Việt Nam

202.3 triệu USD

39 dự án

Đứng thứ 14



Lũy kế đến 9/2018

55.5 triệu USD

12.8% tổng FDI ra nước ngoài

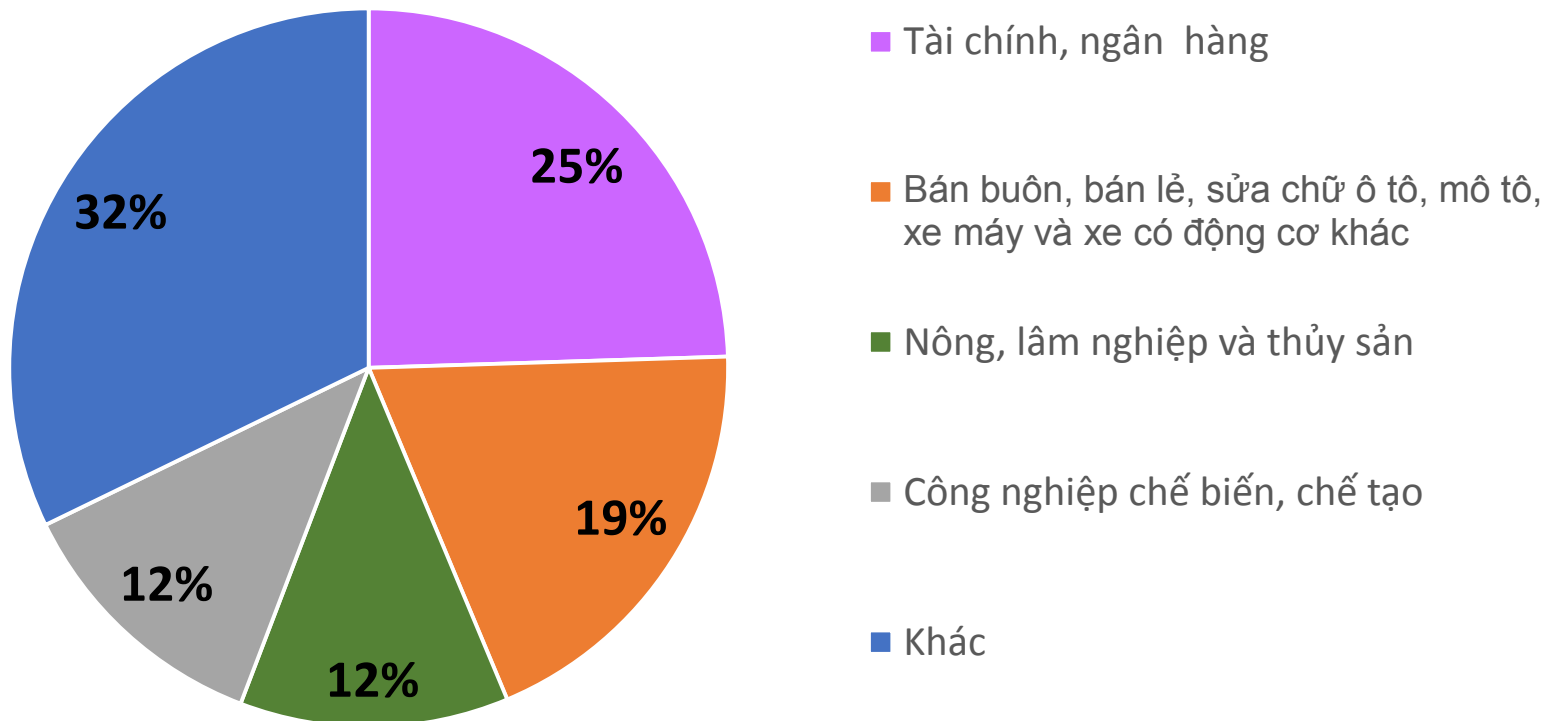
Đứng thứ 2



2018



Cơ cấu đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam năm 2018



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2019



Vì sao XK dịch vụ và đầu tư của Việt Nam sang Australia còn hạn chế?

1

Ngành dịch vụ của Việt Nam sức cạnh tranh thấp: dịch vụ chỉ chiếm khoảng 40% tổng GDP, so với TB 50% của các nước đang phát triển, 70% của các nước phát triển

2

Thị trường dịch vụ chưa thực sự mở cửa: theo nhiều nghiên cứu mức độ hạn chế về thương mại dịch vụ cao => XK dịch vụ thấp

3

Đầu tư ra nước ngoài còn gặp nhiều khó khăn: Thông tin thị trường hạn chế; Khả năng đáp ứng các quy định nước ngoài hạn chế; Quy định trong nước về đầu tư ra nước ngoài còn nhiều bất cập

❖ AUSTRALIA THUỘC TOP 10 THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG LỚN NHẤT CỦA VIỆT NAM

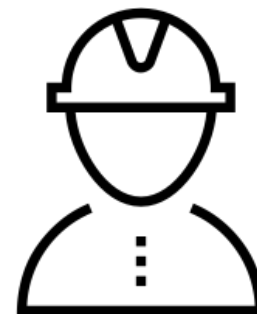
STT	Nước	2012	2013	2014	2015	2016
1	Đài Loan	30,533	46,368	62,124	67,621	68,244
2	Nhật Bản	8,775	9,686	19,766	29,810	39,938
3	Malaysia	9,298	7,564	5,139	7,454	2,079
4	Hàn Quốc	9,228	5,446	7,242	6,019	8,482
5	Ả rập xê út	2,360	1,703	4,191	4,125	4,033
6	Algeria	38	158	547	1,963	1,179
7	Australia*	606	1,314	870	1,021	959
8	Macao, Trung Quốc	2,304	2,294	2,516	493	266
9	Qatar	105	206	850	455	702
10	Các tiểu vương quốc Ả rập	1,731	2,075	831	286	616
Ghi chú *: Australia tính theo giai đoạn, ví dụ 2011-2012, 2012-201....vì năm tài chính của Australia là từ 1/7 năm trước đến 30/6 năm sau						

Lao động có tay nghề của Việt Nam nhập cảnh tạm thời vào Australia 2017-2018

- Tổng số: **859** lao động

- Chiếm: **2.5%**

- Đứng thứ: **17**



Lao động có tay nghề nhập cảnh tạm thời vào Australia từ	2014—15	2015—16	2016—17	2017—18	Tăng trưởng trung bình
Việt Nam	1,021	959	1,152	859	- 4%
Thế giới	51,130	45,400	46,480	34,450	- 12%

Nguồn: Bộ Nội vụ Australia, 2019

Top 10 ngành nghề của lao động Việt Nam làm việc tạm thời tại Australia, 2017-2018

STT	Ngành nghề
1	Nấu ăn
2	Kế toán
3	Quản lý nhà hàng và quán cà phê
4	Thợ làm bánh
5	Đầu bếp
6	Giảng viên và trợ giảng đại học
7	Công nhân thịt lạnh nghề
8	Lập trình viên phần mềm và ứng dụng
9	Quản lý bán lẻ
10	Quản lý khách sạn và nhà nghỉ

Nguồn: Bộ Nội vụ Australia, 2019

Lao động kỳ nghỉ



- **Cơ sở:** Thỏa thuận giữa Việt Nam và Australia về Chương trình lao động kết hợp kỳ nghỉ, ký năm 2015, hiệu lực từ 1/3/2017
- **Hình thức:** Du lịch kết hợp làm việc trong vòng 12 tháng
- **Số lượng:** 200 lao động
- **Thực hiện:**
 - ✓ 2016-2017: 126 lao động
 - ✓ 2017-2018: 233 lao động



Vì sao lao động Việt Nam sang Australia còn hạn chế?

1

Australia ngày càng thắt chặt các chính sách về lao động nước ngoài.

Từ ngày 18/4/2017, thay đổi thị thực lao động tạm thời mới với nhiều yêu cầu khắt khe hơn

2

Cạnh tranh khốc liệt với lao động từ các nước khác có trình độ Tiếng Anh, kỹ năng, kinh nghiệm tốt hơn.



Cơ hội thị trường Australia từ CPTPP

Cơ hội xuất khẩu hàng hóa



Cam kết thuế quan

- 93% số dòng thuế: xóa bỏ ngay sau khi CPTPP có hiệu lực
- Còn lại: xóa bỏ thuế trong vòng 3-4 năm (một số sp thuộc nhóm nhựa và cao su, dệt may, quần áo và giày dép, sắt thép, linh kiện ô tô, và một số máy móc, đồ nội thất)
- Duy nhất ô tô đã qua sử dụng: bỏ thuế 5% đánh trên giá trị nhưng giữ thuế 12,000 AUD đánh trên một sản phẩm.

Lộ trình

Thời gian	Lộ trình Australia cắt giảm thuế quan cho Việt Nam
Từ 14/1/2019	Cắt giảm thuế quan theo lộ trình năm 2
Từ 1/1/2020	Cắt giảm thuế quan theo lộ trình năm 3
Từ 1/1/2021	Cắt giảm thuế quan theo lộ trình năm 4
Các năm tiếp theo	Các lộ trình tuần tự tiếp theo

Australia sẽ xóa bỏ hoàn toàn thuế quan cho Việt Nam (trừ ô tô đã qua sử dụng)

2021



Cam kết cắt giảm thuế quan của Australia cho một số sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam trong CPTPP

Sản phẩm	Cam kết của Australia cho Việt Nam trong CPTPP
Rau quả	Xóa bỏ thuế quan đối với tất cả các dòng thuế ngay sau khi CPTPP có hiệu lực trừ duy nhất một sản phẩm (măng tre – mã HS 2005.91.01) sẽ duy trì mức thuế MFN hiện tại 5% đến năm thứ 4 kể từ khi CPTPP có hiệu lực (tức là đến năm 2021) sẽ xóa bỏ thuế.
Chè, cà phê	Xóa bỏ thuế quan ngay sau khi CPTPP có hiệu lực
Hạt điều, hạt tiêu	Xóa bỏ thuế quan ngay sau khi CPTPP có hiệu lực
Đường, sữa, mật ong	Xóa bỏ thuế quan ngay sau khi CPTPP có hiệu lực
Thủy sản	Xóa bỏ thuế quan ngay sau khi CPTPP có hiệu lực
Dệt may, giày dép	Xóa bỏ đa số các dòng thuế ngay sau khi CPTPP có hiệu lực. Các dòng thuế còn lại xóa bỏ thuế quan theo lộ trình tối đa 4 năm.
Gỗ và sản phẩm gỗ	Xóa bỏ đa số các dòng thuế ngay sau khi CPTPP có hiệu lực. Một số ít các dòng thuế còn lại xóa bỏ thuế quan theo lộ trình 3 hoặc 4 năm.

Quy tắc xuất xứ

CPTPP có một số điểm linh hoạt so với AANZFTA:

- Nguyên tắc chủ đạo là chuyển đổi mã hàng hóa, một số sản phẩm, đặc biệt là sp công nghiệp, cho phép áp dụng thêm ưu đãi hàm lượng giá trị khu vực, với nhiều cách tính khác nhau
- Quy tắc cộng gộp toàn bộ: nguyên liệu chỉ đáp ứng một phần quy tắc xuất xứ (ví dụ không thể đáp ứng tiêu chí hàm lượng giá trị khu vực 40% mà chỉ có thể đáp ứng tiêu chí hàm lượng giá trị khu vực 10%) nhưng giá trị phần có xuất xứ đó vẫn được phép cộng gộp vào công đoạn sản xuất tiếp theo để tính xuất xứ cho thành phẩm.
- Thủ tục tự chứng nhận xuất xứ: lộ trình đối với Việt Nam tối đa 10 năm

So với RCEP

- RCEP chưa kết thúc đàm phán
- Nếu thực hiện, nguyên liệu được cộng gộp 16 nước (trong đó có Trung Quốc) => lợi thế cho hàng hóa Việt Nam.



Rules of Origin



Các biện pháp phi thuế quan khác (SPS, TBT, TR)



Về cơ bản, CPTPP không yêu cầu các nước thành viên xóa bỏ các biện pháp phi thuế quan

Chỉ yêu cầu giảm các biện pháp không cần thiết, ảnh hưởng đến thương mại nội khối thông qua thiết lập các nguyên tắc đối với các thành viên khi áp dụng các biện pháp này: ví dụ phải có căn cứ khoa học, tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế, minh bạch, thông báo và cho phép bình luận, hướng tới công nhận tương đương.....

Cơ hội xuất khẩu dịch vụ, đầu tư

Các cam kết bảo đảm quyền lợi dịch vụ, đầu tư

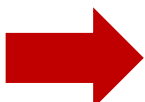
Nguyên tắc chủ đạo: không phân biệt đối xử (NT, MFN)

Dịch vụ: nguyên tắc về tiếp cận thị trường, hiện diện tại nước sở tại, các quy định nội địa liên quan, thanh toán và chuyển tiền, minh bạch...

Đầu tư: các yêu cầu về hoạt động, nhân sự quản lý cao cấp và ban lãnh đạo, chuẩn đối xử tối thiểu, trưng thu trưng dụng, chuyển vốn ra nước ngoài... Đặc biệt là Cơ chế giải quyết tranh chấp Nhà nước – nhà đầu tư (ISDS).

Các cam kết về tự do hóa thương mại dịch vụ và đầu tư của Australia

- ❑ So với WTO, Australia mở thêm một số lĩnh vực dịch vụ và đầu tư mà Việt Nam có thể mạnh xuất khẩu như: **Phân phối** (bán buôn, bán lẻ); **Du lịch** (đại lý du lịch và điều hành tour du lịch); **Viễn thông** (điện thoại bằng giọng nói; truyền số liệu chuyển mạch gói, mạch kênh; telex, telegraph, facsimile...); **Vận tải hàng không** (vận hành cảng hàng không, điều hành mặt đất, sửa chữa và bảo dưỡng máy bay trong thời gian nghỉ, bán và tiếp thị các dịch vụ vận tải hàng không...)
- ❑ Đầu tư: Tăng ngưỡng rà soát bởi Ban Rà soát Đầu tư nước ngoài (FIRB) đối với các nhà đầu tư (tư nhân) nước ngoài từ các nước CPTPP từ 252 triệu AUD lên 1,094 AUD cho các khoản đầu tư trong các lĩnh vực không nhạy cảm



So với AANZFTA: trong CPTPP Australia có các cam kết cao hơn cả về các nguyên tắc chung và về mở cửa thị trường dịch vụ và đầu tư

Cơ hội tiếp cận thị trường lao động

Các nghĩa vụ chung

- Các cam kết về minh bạch hóa thông tin và thủ tục nhập cảnh tạm thời của người lao động
- Các cam kết về hợp tác nhằm tạo thuận lợi cho việc nhập cảnh tạm thời của người lao động

Mở cửa thị trường

- **Đối với các hình thức lao động có kỹ năng đặc thù:** mở thêm so với WTO và AANZFTA đối với lao động là chuyên viên cài đặt hoặc cung cấp dịch vụ máy móc hoặc thiết bị theo một hợp đồng mua bán, thời gian lưu trú tối đa là 3 tháng
- **Đối với lao động kỳ nghỉ:** Thư Song Phương Việt Nam – Australia, Australia cam kết rà soát việc thực thi Thỏa thuận về Lao động kỳ nghỉ đã có giữa hai bên ký ngày 18/3/2015 để có thể nâng số lao động kỳ nghỉ từ Việt Nam sang Australia từ 200 lao động/năm lên 1,500 lao động/năm

Những vấn đề cản trở các nhà xuất khẩu, nhà đầu tư và người lao động Việt Nam tận dụng CPTPP

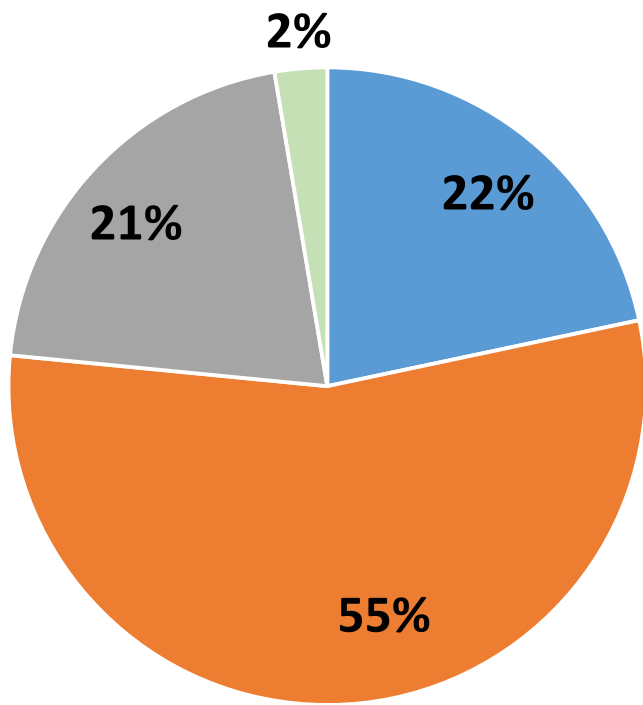




Thiếu thông tin, hướng dẫn về các cam kết FTA nói chung và CPTPP nói riêng

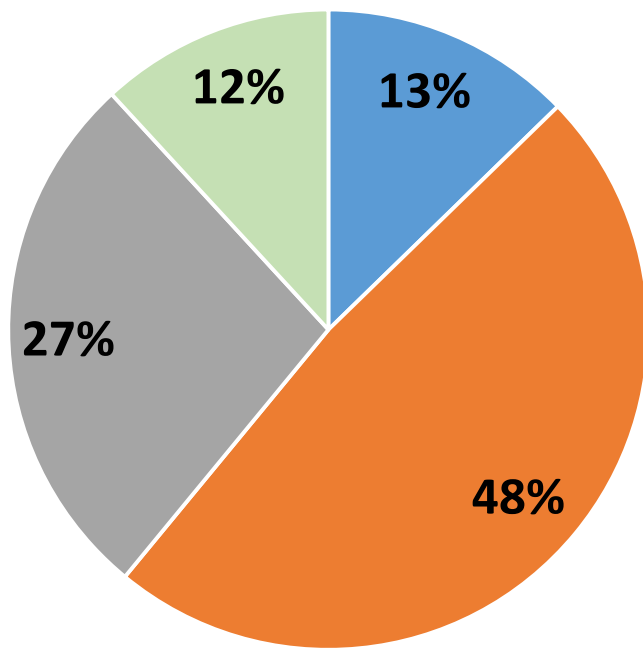
Mức độ hiểu biết của doanh nghiệp về WTO

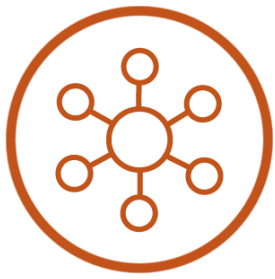
■ Biết rõ ■ Biết tương đối ■ Biết rất ít ■ Không biết



Mức độ hiểu biết của doanh nghiệp về CPTPP

■ Biết rõ ■ Biết tương đối ■ Biết rất ít ■ Không biết





Thiếu nguồn lực để tận dụng cơ hội

98% DNVVN (Tổng cục Thống kê, 2017)

Khả năng tiếp nhận công nghệ mới của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo của Việt Nam xếp thứ **122/144** (UNIDO, 2016)

Mức độ sẵn sàng áp dụng công nghệ mới của Việt Nam đứng thứ **123/144** (UNIDO, 2016)

86.2% doanh nghiệp có máy tính và 85.1% doanh nghiệp có kết nối internet nhưng tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng máy tính và internet để điều hành tác nghiệp chỉ chiếm **36%** (Tổng cục Thống kê, 2017)

Năng suất lao động của Việt Nam chỉ bằng 7% của Singapore, 17.6% của Malaysia, 36.5% của Thái Lan, 42.3% của Indonesia, 56.7% của Philippines và 87.4% của Lào (Tổng cục Thống kê, 2017)

Hiện trạng nguồn cung và sản xuất khó đáp ứng các quy định về QTXX



Nguồn cung nội địa hạn chế:

Trong một số ngành xuất khẩu, nguồn cung nguyên liệu nội địa mới chỉ đáp ứng được khoảng **10-20%** nhu cầu sản xuất của các doanh nghiệp

Công nghiệp phụ trợ hạn chế:

1,800 doanh nghiệp sản xuất phụ tùng, linh kiện nhưng chỉ có khoảng **300** doanh nghiệp tham gia được vào mạng lưới cung ứng cho các tập đoàn đa quốc gia





Áp lực cạnh tranh từ các đối tác khác của Australia

Đối tác FTA:

Australia có 11 FTA đã có hiệu lực với **20 đối tác** (trong đó có Trung Quốc), và 9 FTA khác đang đàm phán hoặc chưa có hiệu lực với **14 đối tác mới** (trong đó có EU bao gồm 27 thành viên).

Đối tác khác:

Được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hệ thống Ưu đãi Thuế quan của Australia (ASTP) và các thỏa thuận ưu đãi thuế quan khác, bao gồm **tất cả các nước kém phát triển**, Đông Timor và các nước Diễn đàn Quốc đảo Thái Bình Dương + **64** quốc gia đang phát triển khác

Các rào cản từ phía thị trường Australia không được giải quyết bằng FTA

Hàng hóa

- Các biện pháp phi thuế quan, các yêu cầu khắt khe của các nhà nhập khẩu, người tiêu dùng

Dịch vụ & đầu tư

- Cạnh tranh khốc liệt từ các nhà cung cấp dịch vụ và đầu tư nội địa và từ các đối tác nước ngoài

Lao động

- Australia ngày càng thắt chặt chính sách về lao động, áp lực cạnh tranh lớn

Trân trọng cảm ơn!



Phùng Thị Lan Phương

Trung tâm WTO và Hội nhập

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)

Tel: 024 35771458

Fax: 024 35771459

Email: phuongphungvcci@gmail.com

Website: www.trungtamwto.vn

